

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2023/DS-ST
Ngày: 22/6/2023
Về việc: “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan

2. Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân
Th phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Th phố Biên Hòa, tỉnh
Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2023/TLST-
DS ngày 12 tháng 01 năm 2023, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023
và Quyết định hoãn phiên toà số 781/2023/QĐST-DS ngày 02/6/2023, giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Phú Th, sinh năm 1971;

Địa chỉ: B2.05, khu Cảnh Viên 2 – S1 – 2, phường T, Quận 7, Th phố Hồ Chí
M.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Duy M, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 766, khu phố 1, phường H, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: 312/21D, khu phố 2, phường T, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(ông Th có đơn xin vắng mặt; ông M và bà H vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Phú Th trình bày:

Ngày 25/10/2019, ông Lê Phú Th có cho vợ chồng ông Nguyễn Duy M, bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) và ngày 28/7/2019 ông Th cho vay thêm số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Đến ngày 28/7/2020, ông M, bà H có chốt lại hai khoản vay trên và ghi giấy vay tiền cho ông Th, có bà Đào Thị Tuấn Ph làm chứng. Khi vay giữa các bên không thỏa thuận lãi suất vay.

Ngày 23/12/2020, ông Th tiếp tục cho ông M, bà H vay tiền số 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), ông M và bà H cùng ký tên vào giấy mượn tiền, giữa các bên không thỏa thuận lãi suất vay.

Ngày 29/5/2021, tại Văn phòng Công chứng Bình Đa, ông Th cùng ông M, bà H ký Hợp đồng vay tiền không dùng tài sản bảo đảm để chốt lại các khoản vay theo các giấy vay tiền ngày 28/7/2020 và 23/12/2020 nói trên với số tiền vay là 3.500.000.000đ (Ba tỷ, năm trăm triệu đồng); Thời hạn vay là 01 (một) năm kể từ ngày kể từ ngày hai bên ký hợp đồng; hai bên không thỏa thuận lãi suất. Hợp đồng vay này được Văn phòng Công chứng Bình Đa chứng nhận số 4593, quyền 6/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/5/2021.

Đến khi hết thời hạn vay (ngày 29/5/2022) ông M, bà H không thanh toán tiền nợ gốc cho ông Th, đã nhiều lần ông Th liên hệ yêu cầu ông M, bà H trả tiền nợ vay theo đúng thỏa thuận thì ông M, bà H luôn hứa hẹn và trốn tránh không chịu trả tiền.

Nay ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Duy M và bà Nguyễn Thị Thu H phải trả số tiền nợ gốc 3.500.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 29/5/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo pháp luật là: $3.500.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} 24 \text{ ngày} = 371.840.000\text{đ}$. Tổng cộng là **3.871.840.000đ** (Ba tỷ tám trăm bảy mươi một triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Duy M và bà Nguyễn Thị Thu H. Tòa án đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không ủy quyền cho người nào khác đến tham gia tố tụng, không có văn bản gửi Tòa án trình bày quan điểm, ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Th phố Biên Hòa phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy nguyên đơn ông Lê Phú Th khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Duy M và bà Nguyễn Thị Thu H phải trả số tiền nợ gốc 3.500.000.000 đồng và tiền lãi theo pháp luật đến ngày xét xử là **371.840.000đ**; Tổng cộng là **3.871.840.000đ** (Ba tỷ tám trăm bảy mươi một triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng), là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Duy M và bà Nguyễn Thị Thu H cùng có nghĩa vụ phải trả cho ông Lê Phú Th số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Phú Th là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyễn Duy M và bà Nguyễn Thị Thu H, Tòa án đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Duy M; địa chỉ cư trú tại: số 766, khu phố 1, phường H, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai và bà Nguyễn Thị Thu H; địa chỉ cư trú tại: số 312/21D, khu phố 2, phường T, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. **Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Th phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[3] Quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phú Th về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Duy M và bà Nguyễn Thị Thu H phải trả số tiền nợ gốc 3.500.000.000đ và tiền lãi. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 25/10/2019, ông Lê Phú Th có cho vợ chồng ông Nguyễn Duy M, bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) và ngày 28/7/2019 ông Th cho vay thêm số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Đến ngày 28/7/2020, ông M, bà H có chốt lại hai khoản vay trên với ông Th và ông M, bà H cùng ký vào giấy vay tiền, cùng có bà Đào Thị Tuấn Phương làm chứng. Ngày 23/12/2020, ông Th tiếp tục cho ông M, bà H vay tiền số 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), ông M và bà H cùng ký tên người vay vào giấy mượn tiền.

Ngày 29/5/2021, ông Th cùng với ông M, bà H ký Hợp đồng vay không dùng tài sản bảo đảm để chốt lại các khoản vay theo các giấy vay tiền ngày 28/7/2020 và 23/12/2020 nói trên với số tiền vay là 3.500.000.000đ (*Ba tỷ, năm trăm triệu đồng*). Tại Điều 2 của Hợp đồng vay, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 (một) năm kể từ ngày hai bên ký và chứng nhận hợp đồng; Lãi suất vay: không lãi suất. Hợp đồng vay này được Văn phòng Công chứng Bình Đa chứng nhận số 4593, quyền 6/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/5/2021.

Theo lời khai của người làm chứng bà Đào Thị Tuấn Phương trình bày: Ngày 28/7/2020, bà có làm chứng việc ông Lê Phú Th có cho ông Nguyễn Duy M và bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 2.500.000.000đ là đúng sự thật và bà có ký tên với tư cách là người làm chứng trong giấy vay tiền nói trên.

Theo kết quả xác M, bà Nguyễn Thị Th - Công chứng viên, đại diện Văn phòng Công chứng B cho biết: Ngày 29/5/2021, Văn phòng Công chứng Bình Đa có công chứng Hợp đồng vay không dùng tài sản bảo đảm giữa bên vay là ông Nguyễn Duy M và bà Nguyễn Thị Thu H với bên cho vay là ông Lê Phú Th theo Hợp đồng công chứng số 4593, quyền 6/2021TP/CC-SCC/HĐGD, tại thời điểm công chứng ông M, bà H và ông Th đều có mặt tham gia công chứng.

Xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Duy M và bà Nguyễn Thị Thu H, Tòa án đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không ủy quyền cho người nào khác đến tham gia tố tụng, không có văn bản gửi Tòa án trình bày quan điểm, ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án, nên được xem như ông M, bà H tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng, lời khai của người làm chứng và kết quả xác M do Tòa án đã thu thập nêu trên. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Duy M và bà Nguyễn Thị Thu H cùng có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn khoản tiền nợ gốc 3.500.000.000đ (*Ba tỷ, năm trăm triệu đồng*) là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tiền lãi xét thấy:

Theo Hợp đồng vay không dùng tài sản bảo đảm ngày 29/5/2021, tại Điều 2 của Hợp đồng vay, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 (một) năm kể từ ngày hai bên ký và chứng nhận hợp đồng; Lãi suất vay: không lãi suất.

Tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*.

Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định:

“ 1. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay....

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Xét thấy, khoản vay 3.500.000.000đ nêu trên, các bên thỏa thuận không lãi suất. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 như đã viện dẫn phần trên thì bên cho vay (nguyên đơn) có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp theo pháp luật quy định.

Do đến hạn trả nợ nhưng ông M, bà H không trả tiền vay, nay ông Th yêu cầu ông M, bà H phải tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 29/5/2022 cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm là có cơ sở. Vậy, số tiền lãi của khoản vay được tính, như sau: 3.500.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng 24 ngày = **371.840.000đ** (Ba trăm bảy mươi một triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phú Th.

Về nghĩa vụ trả nợ, xét thấy Hợp đồng vay không dùng tài sản bảo đảm ngày 29/5/2021, tại mục “Bên vay” có ghi ông Nguyễn Duy M cùng vợ là bà Nguyễn Thị Thu H và tại phần ký tên của “Bên vay” có đầy đủ chữ ký và chữ viết họ và tên của ông M và bà H. Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc bị đơn ông M và bà H cùng có nghĩa vụ chung phải trả cho ông Lê Phú Th số tiền nợ tổng cộng là **3.871.840.000đ** (Ba tỷ tám trăm bảy mươi một triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó: tiền nợ gốc 3.500.000.000 đồng và tiền lãi **371.840.000đ**.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Th phố Biên Hòa phát biểu tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông M và bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, cụ thể: 72.000.000đ + (**1.871.840.000đ** x 2%) = **109.436.800đ**.

Hoàn trả cho ông Lê Phú Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 53.033.500đ, theo biên lai thu tiền số 0005950 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Th phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phú Th về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

1. Buộc ông Nguyễn Duy M và bà Nguyễn Thị Thu H cùng có nghĩa vụ chung phải trả cho ông Lê Phú Th số tiền nợ **3.871.840.000đ** (*Ba tỷ tám trăm bảy mươi một triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng*). Trong đó: tiền nợ gốc 3.500.000.000 đồng và tiền lãi **371.840.000đ**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Duy M và bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **109.436.800đ** (*Một trăm lẻ chín triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm đồng*).

- Hoàn trả cho ông Lê Phú Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 53.033.500đ (Năm mươi ba triệu, không trăm ba mươi nghìn, năm trăm đồng), theo biên lai thu tiền số 0005950 ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Th phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Phú Th, ông Nguyễn Duy M và bà Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng